TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày 03/8/2021
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mý và ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ: Số X, đường K, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng Tr, Phó Trưởng phòng quản lý nợ, Ngân hàng N chi nhánh Bắc Gia Lai, địa chỉ: Số Y đường Đ, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền lại số 01/UQ-NHNT.GL ngày 02/11/2021). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lê Huỳnh Đ, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02 tháng 11 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N chi nhánh Bắc Gia Lai (Ngân hàng) cho ông Lê Huỳnh Đ vay tiền theo Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1938/19/CT/BGL ngày 21/8/2019 (Hợp đồng tín dụng), đã giải ngân cho ông Đ nhận tiền vay theo Giấy nhận nợ số 01/1938/19/CT/BGL ngày 23/8/2019 (Giấy nhận nợ) số tiền vay 150.000.000đ, thời hạn vay là 11 tháng, từ 23/8/2019 đến 23/7/2020; lãi suất cho vay cố định được ghi trên Giấy nhận nợ là 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bàng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Từ ngày 23/8/2019 đến ngày 01/10/2020, Ngân hàng có giảm lãi hỗ trợ dịch Covid19 cho khách hàng với mức lãi suất là 8,55%/năm.

Trong quá trình cho vay, ông Lê Huỳnh Đ đã trả tiền lãi đến ngày 26/6/2020 là 11.743.562đ. Sau khi quá thời hạn trả nợ, Ngân hàng trích thu từ tài khoản của ông Lê Huỳnh Đ vào ngày 23/7/2020 số tiền 516.033đ, ngày 26/7/2020 thu 40đ; từ ngày 24/8/2020 đến ngày 03/8/2021, có 07 lần trả 1.200.000đ, tổng cộng là 8.400.000đ, toàn bộ ưu tiên trừ vào tiền gốc.

Tính đến kết thúc ngày 03/8/2021, ông Lê Huỳnh Đ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 141.083.927đ, tiền lãi trong hạn là 948.699đ và tiền lãi quá hạn là 18.003.299đ, tổng cộng là 160.035.924đ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Huỳnh Đ, bà Nguyễn Thị C có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21/08/NHNT ngày 21/8/2019, gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 6, được UBND huyện Ia Grai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 515725 ngày 20/6/2007.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Lê Huỳnh Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 141.083.927đ, tiền lãi trong hạn là 948.699đ, tiền lãi quá hạn là 18.003.299đ, tổng cộng là 160.035.924đ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ và được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Ý kiến của bị đơn là Lê Huỳnh Đ:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Huỳnh Đ vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Ý kiến của người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C:* Bà C thừa nhận nội dung Ngân hàng khởi kiện là đúng sự thật, xác định có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 90, tờ bản đồ số 6, được UBND huyện Ia Grai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 515725 ngày 20/6/2007 của bà C để cho ông Lê Huỳnh Đ vay số tiền 150.000.000đ của Ngân hàng. Bà C xác định hiện trạng thửa đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đúng là tài sản đã thế chấp và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Đại diện UBND xã Y xác định quyền sử dụng đất chưa cập nhập thông tin nên không thể hiện thông tin thửa đất số 90

trong bản đồ số 06 do UBND xã quản lý. Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện G và UBND xã Y xác định thửa đất số 90, tờ bản đồ số 6, được UBND huyện Ia Grai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 515725 ngày 20/6/2007 có vị trí thực tế tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai (trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi địa chỉ là xã Hr, huyện G, tỉnh Gia Lai), phù hợp với thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện trạng thửa đất có tứ cận phía Đông giáp với đất ông Trung, bà Mai, có ranh giới là một phần hàng rào bao quanh nhà cấp 4 của bà C, phía Tây giáp với đường bê tông, có ranh giới là là hàng rào thép gai có trụ bê tông, phía Nam giáp với đường bê tông nằm giữa thửa đất của bà C và hàng rào của sân phơi của Công ty cà phê S 1, phía Bắc giáp với thửa đất của ông Khởi, có ranh giới là hàng cây Bời lời. Tài sản gắn liền với đất có 01 căn nhà cấp 4 có tường rào bao quanh và một số loại cây trồng trên đất gồm Cà phê, Bời lời, Bơ, Nhãn, Sầu riêng và một số loại cây trồng khác. Đại diện UBND xã Y xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà C, không có tranh chấp.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, văn bản xác nhận đăng ký giao dịch đảm bảo và các bảng kê số tiền đã thu, tiền lãi. Hợp đồng thế chấp được công chứng, dẫn chiếu để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo của Hợp đồng tín dụng. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, thông báo yêu cầu khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ kèm theo không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định là đúng sự thật.

[3] Về yêu cầu trả nợ của Hợp đồng tín dụng

[4] Tại mục 2.2 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thể hiện số tiền vay là 150.000.000đ, thời hạn cho vay từ 23/8/2019 đến 23/7/2020. Nguyên đơn xác định bị đơn đã trả số tiền gốc là 8.916.073đ, số tiền lãi là 11.743.562đ. Bị đơn không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn về số tiền gốc và tiền lãi đã trả là đúng.

[5] Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo thời hạn đã thỏa thuận nên phải có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng và các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Số tiền gốc và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 141.083.927đ, tiền lãi trong hạn là 948.699đ và tiền lãi quá hạn là 18.003.299đ, tổng cộng là 160.035.924đ.

[6] Tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định, lãi sất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn. Do đó, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn là 12,35%/năm

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp:

[8] Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận biện pháp bảo đảm theo hợp đồng thế chấp. Tại Điều 1, Điều 2, Điều 4 của Hợp đồng thế chấp, bà Nguyễn Thị C thỏa thuận thế chấp tài sản là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 06 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Huỳnh Đ và Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp khi xảy ra vi phạm. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ xác định các thửa đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Nguyễn Thị C là người thế chấp tài sản, không có người nào khác tranh chấp.

[9] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn có quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với các thửa đất đã thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận và quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[10] Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí đã nộp là 3.700.000đ theo quy định tại Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[11] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền là 8.001.796đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 91, 95 của của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 299, 318 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1. Buộc ông Lê Huỳnh Đ trả cho Ngân hàng N số tiền 141.083.927đ (một trăm bốn mươi mốt triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 948.699đ (chín trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi quá hạn là 18.003.299đ (mười tám triệu không trăm lẻ ba nghìn hai trăm chín mươi chín đồng), tổng cộng là 160.035.924đ (một trăm sáu mươi triệu không trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Huỳnh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 12,35%/năm.

1.2. Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nghĩa vụ trả nợ nêu trên, bao gồm:

Quyền sử dụng đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 90 thuộc tờ bản đồ số 06, được Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 515725 ngày 20/6/2007.

2. Ông Lê Huỳnh Đ phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Ông Lê Huỳnh Đ phải nộp 8.001.796đ (tám triệu không trăm lẻ một nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N 3.789.827đ (ba triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011768 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)
Nguyễn Văn Huy